TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **26**/2020/HNGĐ-ST Ngày: 27/8/2020 V/v Tranh chấp Ly hôn và nuôi con	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: **1**. Ông Lê Đức Cường.

2. Ông Lê Đức Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Phương Liên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 27/8/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 165/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 về việc "Tranh chấp Ly hôn và nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2020/QĐXXST-DS ngày 12/8/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Minh T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt anh T, vắng mặt chị L (Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/6/2020 và quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn anh Trần Minh T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị L xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo nghi lễ truyền thống và có đăng ký kết hôn ngày 07/4/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn

vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì mâu thuẫn phát sinh. Nguyên nhân do tính tình không hợp, trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, việc ai người ấy làm dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Hai bên gia đình Nội - Ngoại đã phân tích hòa giải nhưng không có kết quả. Anh và chị L sống ly thân từ tháng 5/2019, không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị L có 2 con chung, tên là Trần Nhật T1, sinh ngày 22/12/2014 và Trần Nhật K, sinh ngày 20/11/2017. Anh T đồng ý giao 2 con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi 2 con mỗi tháng 10.000.000đ (mỗi con 5.000.000đ/tháng).

Về tài sản và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Trần Minh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L và giao hai con chung của vợ chồng cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi cháu 5.000.000đ/tháng. Về tài sản chung vợ chồng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 17/8/2020 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh Trần Minh T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới theo nghi lễ truyền thống và có đăng ký kết hôn ngày 07/4/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì mâu thuẫn phát sinh. Nguyên nhân do tính tình không hợp dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không còn tôn trọng lẫn nhau. Năm 2019 anh T cũng đã làm đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án, sau đó Tòa án triệu tập anh T đến làm việc nhưng anh không đến nên Tòa án đã đình chỉ vụ án. Sau khi đình chỉ vụ án, vợ chồng lại tiếp tục chung sống nhưng tình cảm vẫn không được cải thiện. Vì vậy, anh T lại tiếp tục gửi đơn đến Tòa án đề nghị giải quyết ly hôn. Về phía chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với anh T và chị có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt.

Về con chung: Chị và anh T có 2 con chung là Trần Nhật T1, sinh ngày 22/12/2014 và Trần Nhật K, sinh ngày 20/11/2017. Nguyện vọng của chị xin được trực tiếp nuôi 2 con, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 2 con mỗi tháng 10.000.000đ (mỗi con 5.000.000đ).

Về tài sản và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:

* Về tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán

được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự*:* Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt bị đơn Nguyễn Thị L nhưng chị L đã có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy việc vắng mặt của chị L không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 để xét xử vắng mặt chị L.

* Về nội dung:

Anh T và chị L kết hôn với nhau do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa ngày 07/4/2014, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống nên thường cãi nhau trong mọi chuyện trong sinh hoạt và cuộc sống vợ chồng. Nay cả hai bên đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh T làm đơn xin ly hôn và chị L cũng đồng ý ly hôn với anh T. Vì vậy cần áp dụng điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho anh T được ly hôn chị L là đúng quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên là Trần Nhật T1, sinh ngày 22/12/2014 và Trần Nhật K, sinh ngày 20/11/2017. Tại phiên tòa anh T có nguyện vọng giao cả hai con cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; tại bản tự khai, chị L đề nghị được nuôi con. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 5.000.000đ/tháng và chị L cũng yêu cầu cấp dưỡng 5.000.000đ/tháng. Vì vậy đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị L, buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 5.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét mà dành quyền cho các bên đương sự khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí về cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị L có hộ khẩu thường trú tại xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nên anh Trần Minh T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa giải quyết vụ án ly hôn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, chị L vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án nên Tòa án không thể tiến hành phiên hòa giải được. Vì vậy, vụ án giữa anh Trần Minh T và chị Nguyễn Thị L thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố Tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt chị Nguyễn Thị L, tuy nhiên chị L đã có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 228 để xét xử vắng mặt chị L là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Anh Trần Minh T và chị Nguyễn Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện; có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa ngày 07/4/2014, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đánh giá về mâu thuẫn và thực trạng quan hệ hôn nhân: Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, trong cuộc sống 2 bên không có tiếng nói chung, việc ai người ấy làm. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2019 đến nay, không quan tâm đến nhau. Chị L đã biết Tòa án thụ lý vụ án, đã nhận được giấy triệu tập và Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án, nhưng chị không đến để Tòa án tổ chức hòa giải đoàn tụ thể hiện chị cũng không quan tâm, tha thiết níu kéo tình cảm. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị L mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Nay anh T xin được ly hôn, về phía chị L cũng đồng ý. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về **c**on chung: Anh T và chị L có 2 con chung. Sau ly hôn, anh T có nguyện vọng giao 2 con cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi 2 con mỗi tháng 10.000.000đ (mỗi con 5.00.000đ/tháng). Về phía chị L có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi 2 con và đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 5.000.000đ/Tháng. HĐXX xét thấy việc xin nuôi con của chị L là chính đáng, được anh T đồng ý. Nên giao cháu Trần Nhật T1, sinh ngày 22/12/2014 và Trần Nhật K, sinh ngày 20/11/2017 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh T cấp dưỡng nuôi mỗi cháu 5.000.000đ/tháng là phù hợp với pháp luật.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Anh T và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác.

[3] Về án phí: Anh T khởi kiện vụ án xin ly hôn và phải cấp dưỡng nuôi con nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 116, 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho anh Trần Minh T được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Giao các cháu Trần Nhật T1, sinh ngày 22/12/2014 và Trần Nhật K, sinh ngày 20/11/2017 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Trần Minh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu mỗi tháng 5.000.000đ kể từ tháng 9/2020 đến khi con thành niên và có khả năng lao động, phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, các bên có quyền khởi kiện về việc thay đổi cấp dưỡng và thay đổi quyền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí: Anh Trần Minh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu số AA/2019/0002133 ngày 16/6/2020. Anh T còn phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thoả thuận thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt anh T, vắng mặt chị L. Anh T được quyền kháng cáo bản sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị

L được quyền kháng cáo bản sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKS huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã Y, huyện N;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Đã ký

Võ Kỳ Anh